

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 2564/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 30 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền
giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành (05 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang (*Lĩnh vực Quản lý giá; Lĩnh vực Tài chính - ngân sách; Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KS. TTHC);
- CT, các PCT;
- Sở Tư pháp (Phòng KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.46

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Kim Mai

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH TIỀN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH TIỀN GIANG

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang

STT	Tên thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ	
1	Thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện
II. LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH	
1	Trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong việc mua sắm tài sản từ nguồn vốn NSNN (trừ việc mua sắm tài sản gắn với dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn đầu tư XDCB và đấu thầu thuộc trong các cơ sở y tế công lập) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thẩm định, trình phê duyệt kết quả đấu thầu trong việc mua sắm tài sản từ nguồn vốn NSNN (trừ việc mua sắm tài sản gắn với dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn đầu tư XDCB và đấu thầu thuộc trong các cơ sở y tế công lập) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Liên kết thẩm định giá do Trung tâm Thông tin - Tư vấn - Dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính thực hiện
III. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH	
1	Thẩm định quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm đối với nguồn vốn do cấp tỉnh quản lý (các công trình thanh toán tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tiền Giang)

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang

I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ

1. Thẩm định phương án giá do Sở Tài chính thực hiện

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2- Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính Tiền Giang (Số 38, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và chuyển Phòng Vật giá - Quản lý công sản. - Trường hợp hồ sơ thiếu Phòng Vật giá - Quản lý công sản hướng dẫn một lần bằng văn bản đơn vị bổ sung. <p>Bước 3- Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính Tiền Giang (Số 38, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7^h00 đến 11^h30, chiều từ 13^h30 đến 17^h00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết nghỉ).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua bưu điện
3	Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá (Phụ lục số 2a - Thông tư số 56/2014/TT-BTC); b) Phương án giá (Phụ lục số 2a - Thông tư số 56/2014/TT-BTC). Nội dung Phương án giá được quy định chi tiết tại khoản 3, khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 56/2014/TT-BTC; - Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, đính kèm bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định (nếu có); - Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định; - Các tài liệu khác có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).</p>
4	Thời hạn giải quyết	+ Chậm nhất là 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định của Bộ Tài chính.

		+ Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày.
5	Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Tài chính b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)	- Phụ lục số 2a - Thông tư 56/2014/TT-BTC. - Đối với giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ thực hiện theo Phụ lục 03 - Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014.
8	Lệ phí (nếu có)	Không
9	Kết quả thực hiện TTHC	Công văn thẩm định
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Giá số 11/2012/QH13; - Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; - Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; - Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. - Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

1. Phụ lục số 3 - Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT/BTC-BGTVT

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ ĐỊNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH GIÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>, ngày....thángnăm.....
HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ	
Tên dịch vụ:..... Tên đơn vị kinh doanh:..... Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax :	

Phụ lục số 3a - Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT/BTC-BGTVT
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỊNH GIÁ, Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
ĐIỀU CHỈNH GIÁ

Số/.....

....., ngàytháng năm

V/v thẩm định phương án giá

.....

Kính gửi: (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)

Thực hiện quy định tại Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

... (tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá) đã lập phương án giá dịch vụ.... (tên dịch vụ) (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá) xem xét phê duyệt giá... (tên dịch vụ) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

... , ngày ... tháng ... năm ...

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ:

Đơn vị cung ứng:

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ

S T T	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá (Q)			
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh			
I	Chi phí trực tiếp:			
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp			
2	Chi phí nhân công trực tiếp			
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)			
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở mục 1,2,3) theo đặc thù			
II	Chi phí chung			
5	Chi phí sản xuất chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh (TC)			
C	Chi phí phân bổ cho dịch vụ khác (nếu có) (CP)			
D	Giá thành toàn bộ (TC-CP)			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm, dịch vụ (TC-CP)/Q			

II . GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN CHI PHÍ (từ mục 1 đến mục 8 bảng tổng hợp tính giá)

2. Phụ lục số 2a - Thông tư số 56/2014/TT-BTC

Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm...

HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....
V/v: Thẩm định phương án giá

... , ngày ... tháng ... năm

*Kính gửi: (tên các cơ quan nhà nước có thẩm quyền
thẩm định phương án giá, quy định giá)*

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

... (tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá) đã lập phương án giá về sản phẩm.... (tên hàng hoá, dịch vụ) (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị (tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá) xem xét quy định giá... (tên hàng hoá, dịch vụ) theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đơn vị đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá)

Tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

PHƯƠNG ÁN GIÁ
(Đối với hàng hóa nhập khẩu)

Tên hàng hóa.....
 Đơn vị nhập khẩu.....
 Quy cách phẩm chất.....
 Xuất xứ hàng hóa.....

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			
E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H	Giá bán dự kiến			

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm
10. Lợi nhuận dự kiến
11. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
12. Giá bán dự kiến
13. Điều kiện giao hàng/ bán hàng

III. BẢNG SO SÁNH MỨC GIÁ ĐỀ NGHỊ VỚI MỨC GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TƯƠNG TỰ Ở THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC

Tên đơn vị đề nghị định
giá, điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm...

PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Đối với hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ.....

Đơn vị sản xuất.....

Quy cách phẩm chất.....

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

STT	Nội dung chi phí	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Sản lượng tính giá				
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh				
I	Chi phí trực tiếp:				
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp				
2	Chi phí nhân công trực tiếp				
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)				
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực				
II	Chi phí chung				
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)				
6	Chi phí tài chính (nếu có)				
7	Chi phí bán hàng				
8	Chi phí quản lý				
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh				
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)				
D	Giá thành toàn bộ				
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm				
E	Lợi nhuận dự kiến				
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định				
H	Giá bán dự kiến				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp
2. Chi phí nhân công trực tiếp
3. Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)
4. Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở trên) theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực
5. Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh
10. Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)
11. Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm
12. Lợi nhuận dự kiến
13. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
14. Giá bán dự kiến
15. Điều kiện giao hàng/ bán hàng

III. BẢNG SO SÁNH MỨC GIÁ ĐỀ NGHỊ VỚI MỨC GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TƯƠNG TỰ Ở THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC

**Tên cơ quan có thẩm
quyền thẩm định
phương án giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/
V/v định giá, điều chỉnh giá

... , ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền định giá)*

Sau khi nghiên cứu, xem xét phương án giá (hoặc điều chỉnh giá) kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của... *(tên cơ quan, đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)*,... *(tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)* có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ phương án giá (điều chỉnh giá): (ghi rõ kết quả thẩm định đối với từng khoản mục chi phí)
2. Tính khả thi của mức giá được quy định (hoặc điều chỉnh giá):
3. Kiến nghị:

Sau khi xem xét, ... *(Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)* đề nghị mức giá (mức điều chỉnh giá) là đồng (hoặc tại Phụ lục kèm theo công văn này - đối với trường hợp có nhiều mặt hàng).

Đề nghị... *(tên cơ quan có thẩm quyền định giá)* xem xét, ban hành theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)

II. LĨNH VỰC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

1. Trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong việc mua sắm tài sản từ nguồn vốn NSNN (trừ việc mua sắm tài sản gắn với dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn đầu tư XDCB và đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính (Số 40, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và chuyển Lãnh đạo Trung tâm phân công chuyên viên thực hiện.- Trường hợp hồ sơ thiếu, Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị đơn vị bổ sung. <p>Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính (Số 40, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7^h 00 đến 11^h 30, chiều từ 13^h 30 đến 17^h 00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết nghỉ).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại cơ quan hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ quan), qua bưu điện.
3	Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.- Tài liệu kèm theo văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (gồm bản chụp các tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu).- Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (do Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính lập). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
4	Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none">- Thời gian thẩm định không quá 20 ngày.- Thời gian phê duyệt không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định.
5	Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền</p>

		<p>hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trung tâm Thông tin - Tư vấn - Dịch vụ tài chính thuộc Sở Tài chính</p>
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)	Không
8	Lệ phí (nếu có)	<p>a) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng;</p> <p>b) Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.</p>
9	Kết quả thực hiện TTHC	Văn bản phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013. - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Thông tư số 05/2015/TT-BKH ngày 16/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa. - Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước, thẩm quyền phê duyệt trong đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.

2. Thẩm định, trình phê duyệt kết quả đấu thầu trong việc mua sắm tài sản từ nguồn vốn NSNN (trừ việc mua sắm tài sản gắn với dự án đầu tư XDCB từ nguồn vốn đầu tư XDCB và đấu thầu thuộc trong các cơ sở y tế công lập) thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Sau khi nhận được công văn đề nghị của các cơ quan, đơn vị (chủ đầu tư) gửi đính kèm các hồ sơ có liên quan cụ thể: Căn cứ vào kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt.</p> <p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và chuyển Lãnh đạo Trung tâm phân công chuyên viên thực hiện. - Trường hợp hồ sơ thiếu, Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị đơn vị bổ sung. <p>Bước 2: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính (Số 40, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) hoặc qua bưu điện.</p> <p>Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7^h 00 đến 11^h 30, chiều từ 13^h 30 đến 17^h 00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết nghỉ).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước
3	Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ dự thầu (do các nhà thầu gửi). - Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (do Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính lập). - Tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
4	Thời hạn giải quyết	<p>(Thực hiện theo Điều 12 của Luật Đấu thầu)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian sơ tuyển (nếu có): Tối đa là 30 ngày đối với đấu thầu trong nước và 45 ngày đối với đấu thầu quốc tế; kể từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển đến khi có kết quả sơ tuyển được duyệt; + Thời gian thông báo mời thầu tối thiểu là 10 ngày trước khi phát hành hồ sơ mời thầu; + Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 15 ngày đối với gói thầu trong nước, 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế; kể từ khi phát hành hồ sơ mời thầu đến thời điểm đóng thầu;

		<p>+ Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu tối đa là 180 ngày kể từ thời điểm đóng thầu; trường hợp cần thiết có thể yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu nhưng không quá 30 ngày;</p> <p>+ Thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 40 ngày đối với gói thầu trong nước, 60 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày mở thầu đến khi có báo cáo về kết quả đấu thầu được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt;</p> <p>+ Thời gian thẩm định tối đa là 20 ngày cho việc thực hiện đối với từng nội dung về kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
5	Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Thủ trưởng các Sở, Ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trung tâm Thông tin - Tư vấn - Dịch vụ tài chính thuộc Sở Tài chính</p>
6	Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)	Không
8	Lệ phí (nếu có)	<p>- Chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất:</p> <p>a) Chi phí đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 30.000.000 đồng;</p> <p>b) Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất được tính bằng 0,1% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.</p> <p>- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu kể cả trường hợp không lựa chọn được nhà thầu được tính bằng 0,05% giá gói thầu nhưng tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng.</p>
9	Kết quả thực hiện TTHC	Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không

11	Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none">- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.- Thông tư số 05/2015/TT-BKH ngày 16/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa.- Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước, thẩm quyền phê duyệt trong đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh.
----	-------------------------	---

3. Liên kết thẩm định giá do Trung tâm Thông tin - Tư vấn - Dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính thực hiện

1	Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính (Số 40, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ, hợp lệ thì nhận hồ sơ và chuyển Lãnh đạo Trung tâm phân công chuyên viên thực hiện. - Trường hợp hồ sơ thiếu, Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị đơn vị bổ sung. <p>Bước 3: Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ tài chính trực thuộc Sở Tài chính (Số 40, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).</p> <p>Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7^h 00 đến 11^h 30, chiều từ 13^h 30 đến 17^h 00 từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết nghỉ).</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại cơ quan hành chính, sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân hoặc qua bưu điện
3	Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản yêu cầu thẩm định giá tài sản phải có các nội dung chính sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Tên cơ quan yêu cầu thẩm định giá; + Nội dung yêu cầu thẩm định giá; + Thông tin về tài sản cần thẩm định giá kèm theo tài liệu có liên quan; chứng thư giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, chất lượng của tài sản cần thẩm định giá; chứng thư, báo cáo kết quả thẩm định giá (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: không quy định.</p>
4	Thời hạn giải quyết	Không quy định
5	Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Hội đồng thẩm định giá.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trung tâm Thông tin - Tư vấn - Dịch vụ tài chính thuộc Sở Tài chính</p>

6	Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có)	Không
8	Lệ phí (nếu có)	Thu phí theo Hợp đồng Kinh tế số 17/07/HĐ-CV ngày 10/9/2007 giữa Công ty Cổ phần Thẩm định giá Chuẩn Việt và Trung tâm Thông tin - Tư vấn - dịch vụ địa tỉnh Tiền Giang.
9	Kết quả thực hiện TTHC	Báo cáo kết quả thẩm định giá
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
11	Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định. - Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.

III. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH

1. Thẩm định quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm đối với nguồn vốn do cấp tỉnh quản lý (các công trình thanh toán tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tiền Giang)

1	Trình tự thực hiện	<p>A - Trình tự giao nhận hồ sơ tại Sở Tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn vị chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của nhà nước.- Đơn vị nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính Tiền Giang (Số 38, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). <p>Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đủ, hợp lệ thì bộ phận một cửa nhận hồ sơ, 02 bên ký phiếu giao nhận và hồ sơ được chuyển Phòng Đầu tư - Sở Tài chính.+ Trường hợp hồ sơ thiếu thì bộ phận một cửa lập phiếu yêu cầu đơn vị bổ sung hồ sơ. <p>- Đơn vị nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính Tiền Giang (Số 38, Hùng Vương, phường 7, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).</p> <p>B - Trình tự thực hiện công việc:</p> <p>Bước 1: Các Ban quản lý dự án (hoặc đơn vị, bộ phận giúp việc cho chủ đầu tư quản lý dự án) lập báo cáo quyết toán năm gửi chủ đầu tư.</p> <p>Riêng đối với trường hợp Ban Quản lý dự án được giao nhiệm vụ chủ đầu tư thì không thực hiện bước này.</p> <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Các chủ đầu tư thẩm định quyết toán của các Ban quản lý dự án thuộc trách nhiệm quản lý; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm gửi Sở Tài chính.- Kho bạc nhà nước tỉnh tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác do Kho bạc nhà nước kiểm soát thanh toán gửi Sở Tài chính. <p>Bước 3: Sở Tài chính thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm gửi các chủ đầu tư và Kho bạc nhà nước tỉnh; tổng hợp vào quyết toán ngân sách địa phương hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn.</p>
2	Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc thông qua hệ thống bưu chính.
3	Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Hồ sơ thuộc Bước 1: Ban quản lý dự án thực hiện các biểu (Biểu số 01/CĐT; Biểu số 02/CĐT; Biểu số 03/CĐT; Biểu số 04/CĐT) ban hành kèm theo Thông

tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm.

Các Ban quản lý dự án phải đối chiếu số liệu về kế hoạch và vốn đã thanh toán với Kho bạc nhà nước trước khi lập báo cáo quyết toán năm. Phần thuyết minh báo cáo quyết toán: Đối với Ban quản lý dự án thực hiện báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản Nhà nước giao trong năm; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư.

- Hồ sơ thuộc Bước 2:

+ *Đối với chủ đầu tư:* Nội dung báo cáo quyết toán về phần số liệu, thực hiện các biểu (Biểu số 01/CQTH; Biểu số 02/CQTH; Biểu số 03/CQTH; Biểu số 04/CQTH) ban hành kèm theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính, ***gửi về Sở Tài chính từ ngày 02/5 - 15/5 năm sau.***

Trường hợp báo cáo quyết toán năm của Ban quản lý dự án lập chưa đúng quy định, các chủ đầu tư thông báo cho Ban quản lý hoàn chỉnh báo cáo hoặc lập lại báo cáo để thẩm định.

+ *Đối với Kho bạc nhà nước tỉnh:* thực hiện tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác do Kho bạc nhà nước tỉnh kiểm soát thanh toán theo các mẫu biểu (Biểu số 01/KBQT; Biểu số 02/KBQT; Biểu số 03/KBQT; Biểu số 04/KBQT; Biểu số 05/KBQT; Biểu số 06/KBQT; Biểu số 07/KBQT; Biểu số 08/KBQT) ban hành kèm theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm, ***gửi Sở Tài chính trước ngày 01/4 năm sau.***

- ***Hồ sơ đối với Bước 3:*** Mẫu thông báo thẩm định số 01/TBTĐ ban hành kèm Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm; Mẫu báo cáo quyết toán ngân sách theo quy định tại các nghị định hướng dẫn thực hiện

		Luật Ngân sách nhà nước.
4	Thời hạn thẩm định và gửi quyết toán	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính thực hiện thẩm định quyết toán trong 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trong quá trình thẩm định quyết toán, trường hợp báo cáo quyết toán năm của các chủ đầu tư chưa đúng quy định, Sở Tài chính sẽ liên hệ trực tiếp hoặc có văn bản yêu cầu thông báo cho đơn vị hoàn chỉnh báo cáo hoặc lập lại báo cáo để thẩm định. Thời gian thẩm định quyết toán sẽ tính từ khi nhận lại báo cáo quyết toán mới. - Chậm nhất 5 ngày sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo theo quy định.
5	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính Tiền Giang, Các chủ đầu tư công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thanh toán tại Kho bạc nhà nước tỉnh. c) Cơ quan phối hợp: Kho bạc nhà nước tỉnh
6	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Các đơn vị, tổ chức có liên quan.
7	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Theo các biểu mẫu đính kèm Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm.
8	Lệ phí	Không
9	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Văn bản Thông báo thẩm định quyết toán năm.
10	Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
11	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11; - Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; - Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

	Nhóm...																			
II	Nguồn vốn Dự án, CTMT																			
1	Dự án trồng mới 5 tr. ha rừng																			
	Dự án...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn ngoài nước																			
2	CTMT quốc gia....																			
	Dự án ...																			
3	CTMT khác...																			
III	Nguồn khác																			
1	Nguồn...																			
	Dự án....																			

Ghi chú:

- Đối với Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng: số vốn thanh toán được quyết toán năm tính từ ngày 1/1 năm kế hoạch đến hết ngày 31/1 năm sau.

Số vốn thanh toán từ ngày 1/2 đến hết tháng 4 năm sau, quyết toán vào niên độ ngân sách năm sau.

- Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.

- Đối với một số dự án được giao kế hoạch vốn ngoài nước, nhưng thanh toán như nguồn vốn trong nước, thì số vốn đã thanh toán hạch toán vào nguồn ngoài nước.

- (*) Cột số 9 - thể hiện lũy kế số dự tạm ứng chưa quyết toán năm.

- (*) Cột 22 - thể hiện số quyết toán năm, gồm: thanh toán KLHT bằng nguồn được giao trong năm kế hoạch; nguồn thuộc kế hoạch năm trước chuyển năm sau chi tiếp; thanh toán các khoản tạm ứng theo chế độ từ các năm trước chuyển sang. Cột 22=cột 11+ cột 16+ cột 9 (phần số liệu đã hạch toán từ tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi sang thanh toán KLHT).

- (*) Cột 23 - lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán tính đến hết niên độ năm 20.... Cột 23=cột 12+cột 17+cột 9 (nếu còn).

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng cơ quan (ký và đóng dấu)

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB - nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có)

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước							
						Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:			Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...		Số thanh toán
							KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...		KH vốn thu hồi năm 20...	Tổng số	Thanh toán cho KH vốn ứng năm trước chuyển sang		Thanh toán cho KH ứng năm 20...		
7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16							
	Tổng số:															
I	Nguồn vốn XDCB tập trung															
1	Vốn chuẩn bị đầu tư															
	Dự án...															
2	Vốn thực hiện dự án															
	Ngành ...															
	Nhóm ...															
	Dự án...															
II	Dự án, CTMT															
1	Dự án Trồng mới 5 tr.ha rừng															
	Dự án...															
2	CTMT quốc gia....															
	Dự án...															
3	CTMT khác															
III	Nguồn khác															
1	Nguồn...															
	Dự án ...															
	Dự án...															
2	CTMT quốc gia....															
	Dự án...															

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)..., ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng cơ quan (ký và đóng dấu)

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn trái phiếu Chính phủ
Niên độ ngân sách năm 20...
 (Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: tr. đồng

Số hứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn thanh toán từ K/cộng đến hết năm trước	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...				Thanh toán vốn thuộc KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Tổng cộng vốn đã thanh toán năm 20...	Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn hủy bỏ	Lũy kế vốn đã thực hiện của DA hoàn thành đưa vào sử dụng		
								Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	thanh toán		Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn hủy bỏ	Kế hoạch vốn được kéo dài	thanh toán						Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn hủy bỏ
									Thanh toán KLHT	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				thanh toán KLHT	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=10+11+ 15+16	20=12+17	21=13+1	22
	Tổng số (I+II)																				
I	Vốn chuẩn bị đầu tư																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				
II	Vốn thực hiện dự án																				
1	Ngành giao thông																				
	Nhóm ...																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				
2	Ngành Thủy lợi																				
	Nhóm ...																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng cơ quan (ký và đóng dấu)

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB - nguồn ứng trước vốn trái phiếu Chính phủ (nếu có)

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tr.đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...				Thanh toán vốn ứng trước						
						Tổng số	Bao gồm:			Tổng số	Bao gồm:					
							KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...		Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...			Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi	
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15		16
	Tổng số (I+II)															
I	Vốn chuẩn bị đầu tư															
	Dự án...															
	Dự án...															
II	Vốn thực hiện dự án															
1	Ngành giao thông															
	Nhóm ...															
	Dự án...															
	Dự án...															
2	Ngành Thủy lợi															
	Nhóm ...															
	Dự án...															
	Dự án...															

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng cơ quan (ký và đóng dấu)

Quyết toán vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách nhà nước

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: tr. đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết niên độ năm trước		Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...					Thanh toán vốn thuộc KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Tổng số vốn quyết toán theo niên độ năm 20... (*)	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (*)	Lũy kế vốn của dự án hoàn thành đưa vào sử dụng	
							Tổng số	Tr.đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chưa quyết toán (*)	Kế hoạch vốn đầu tư	thanh toán		Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn được kéo dài	thanh toán		Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)				Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)
										thanh toán KLHT	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				thanh toán KLHT	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng số																				
	Nguồn Căn đối ngân sách																				
	Công trình...																				
	Công trình...																				

Chỉ chú:

- Đối với Dự án trong mới 5 triệu ha rừng: số vốn thanh toán được quyết toán năm tính từ 1/1 năm kế hoạch đến hết 31/1 năm sau.
- Số vốn thanh toán từ 1/2 đến hết tháng 4 năm sau, quyết toán vào niên độ ngân sách năm sau.
- Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.
- Đối với một số dự án được giao kế hoạch vốn ngoài nước, nhưng thanh toán như nguồn vốn trong nước, thì số vốn đã thanh toán hạch toán vào nguồn ngoài nước.
- (*) Cột số 9 - thể hiện lũy kế số dư tạm ứng chưa quyết toán năm.
- (*) Cột 20 - thể hiện số quyết toán năm, gồm: thanh toán KLHT bằng nguồn được giao trong năm kế hoạch; nguồn thuộc kế hoạch năm trước chuyển năm sau chi tiếp; thanh toán các khoản tạm ứng theo chế độ từ các năm trước chuyển sang. Cột 20= cột 11+cột 16+ cột 9 (phần số liệu đã hạch toán từ tạm ứng theo chế độ sang thanh toán KLHT).
- (*) Cột 21 - lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán tính đến hết niên độ năm 20... . Cột 21=cột 12+cột 17+ cột 9 (nếu còn).

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Ban quản lý dự án
Ký tên và đóng dấu

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB - nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có)

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: tr.đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước						
						Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	bao gồm:					
							KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...		KH vốn thu hồi năm 20...	Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...		Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi	
1	2	3	4	5	6	7= 8+9+10	8	9	10	11=12+13+14	12	13=14+15	14	15	16
	Tổng số:														
I	Nguồn vốn XDCB tập trung														
1	Vốn chuẩn bị đầu tư														
	Dự án...														
2	Vốn thực hiện dự án														
	Ngành ...														
	Nhóm ...														
	Dự án...														
II	Dự án, CTMT														
1	Dự án Trồng mới 5 tr.ha rừng														
	Dự án...														
2	CTMT quốc gia....														
	Dự án...														
3	CTMT khác....														
	Dự án...														
III	Nguồn khác														
1	Nguồn...														
	Dự án ...														

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Ban quản lý dự án
ký tên và đóng dấu

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn vốn trái phiếu Chính phủ
 Niên độ ngân sách năm 20...
 (Kèm theo Thông tư số 210/IT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tr.đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mô tả khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/công đến hết KH năm trước	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...				Thanh toán vốn thuộc KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Tổng cộng vốn đã thanh toán năm 20...	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn hủy bỏ (nếu có)	Lũy kế vốn đã thực hiện của DA hoàn thành đưa vào sử dụng		
								Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	thanh toán		Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	KH vốn hủy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn được kéo dài (nếu có)	thanh toán						KH vốn hủy bỏ (nếu có)	
									thanh toán	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				thanh toán	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=10+11+15+16	20=12+17	21=13+18	22
	Tổng số																				
1	Vốn chuẩn bị đầu tư																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				
2	Vốn thực hiện dự án																				
2.1	Ngành...																				
	Nhóm A																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				
	Nhóm B																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				
	Nhóm C																				
	Dự án...																				
2.2	Ngành...																				

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Ban quản lý dự án
 ký tên và đóng dấu

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XD CB - nguồn ứng trước trái phiếu Chính phủ (nếu có)
Niên độ ngân sách năm 20...
 (Kèm theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: tr.đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...				Thanh toán vốn ứng trước					
						Tổng số	Bao gồm:			Tổng số	Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...			Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi
							KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...			Tổng số	Thanh toán cho KH vốn ứng năm trước chuyển sang	Thanh toán cho KH ứng năm 20...	
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16
	Tổng số														
1	Vốn chuẩn bị đầu tư														
	Dự án...														
	Dự án...														
2	Vốn thực hiện dự án														
2.1	Ngành...														
	Nhóm A														
	Dự án...														
	Dự án...														
	Nhóm B														
	Dự án...														
	Nhóm C														
	Dự án...														
2.2	Ngành...														

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
 Ban quản lý dự án
 (Ký và đóng dấu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XDCB

Niên độ ngân sách năm 20..

(Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...			Thanh toán vốn năm 20...									Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang 20... còn lại	KH vốn đầu tư năm 20...còn lại	Kế hoạch vốn đầu tư được chuyển năm sau
		Tổng số	gồm		Tổng số vốn quyết toán ngân sách năm 20...	Tổng số vốn tạm ứng theo chế độ chưa quyết toán NS năm 20...	Thanh toán vốn thuộc KH năm trước chuyển sang 20...			Thanh toán vốn thuộc KH năm 20...						
			KH năm trước được chuyển sang 20...	KH vốn đầu tư năm 20...			Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3=4+5	4	5	6=9+12	7=10+13	8	9	10	11	12	13	14=4-8	15=5-11	16	
	Tổng số (I+II)															
	Vốn TN															
	Vốn NN															
	1 Vốn XDCB tập trung:															
	Vốn TN															
	trong đó: cấp bằng ngoại tệ															
	Vốn NN															
	2 Dự án, CTMT															
	Vốn TN															
	trong đó: cấp bằng ngoại tệ															
	Vốn NN															
	3 Nguồn khác															
	Nguồn....															

Ghi chú: Biểu này áp dụng cho Kho bạc nhà nước các cấp và các đơn vị nhận lệnh chi tiền.

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Phòng Kiểm soát chi

.... ngày tháng năm 20
Giám đốc KBNN tỉnh
(ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã tỉnh	Mã dự án đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...		Thanh toán vốn năm 200...									Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang 20... còn lại	KH vốn đầu tư năm 20... còn lại	Kế hoạch vốn đầu tư được chuyển năm sau
				Tổng số	gồm		Tổng số vốn quyết toán ngân sách năm 20...	Tổng số vốn tạm ứng theo chế độ chưa quyết toán NS năm 20...	Thanh toán vốn thuộc KH năm trước chuyển sang 20...			Thanh toán vốn thuộc KH năm 20...					
					KH năm trước được chuyển sang 20...	KH vốn đầu tư năm 20...			Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=11+14	9=12+15	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16=6-10	17=7-13	18
-	Dự án trồng mới 5 tr.ha rừng																
	Dự án...																
-																
*	Nguồn vốn khác																
	Dự án...																

Ghi chú:

Đối với dự án chi bằng ngoại tệ thì bổ sung thêm trong quyết toán một dòng (dưới dòng vốn trong nước) trong đó chi bằng ngoại tệ là bao nhiêu và tổng nhất chi ngoại tệ bằng đô la mỹ

Đối với một số dự án được giao kế hoạch vốn ngoài nước, nhưng thanh toán như nguồn vốn trong nước, thì trong quyết toán thêm một dòng (dưới dòng vốn NN) trong đó dùng vốn trong nước thanh toán cho kế hoạch ngoài nước

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Phòng kiểm soát chi

... ngày tháng năm 200
Giám đốc KBNN
(ký, ghi rõ họ tên)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ XDCB - ỨNG TRƯỚC DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM SAU
NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG - NĂM 20....**

(Kèm theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	Mã tỉnh	Mã dự án	KH vốn ứng trước năm 20...			Tổng số	Đơn vị: đồng						
				Thanh toán				Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Bao gồm:			Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi		
				Tổng số	Bao gồm:				Tổng số	Thanh toán cho KH vốn ứng năm trước chuyển sang	Thanh toán cho KH ứng năm 20...			
					KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...							KH vốn thu hồi năm 20...	
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+14	10	11=12+13	12	13	14	
	Tổng số													
A	Đối với các cơ quan trung ương:													
I	Bộ...													
	* Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung													
-	Vốn chuẩn bị đầu tư													
	Dự án...													
-	Vốn thực hiện dự án													
	Dự án...													
*	Dự án, CTMT...													
-	Dự án trồng mới 5 tr.ha rừng													
	Dự án...													
-													
*	Nguồn vốn khác													
													
B	Đối với các địa phương:													
I	Sở...													
	* Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung													
-	Vốn chuẩn bị đầu tư													
	Dự án...													
-	Vốn thực hiện dự án													
	Dự án...													
*	Dự án, CTMT...													
-	Dự án trồng mới 5 tr.ha rừng													
	Dự án...													
-													
*	Nguồn vốn khác													
	Dự án...													

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm 200
Giám đốc KBNN

**BÁO CÁO TỔNG HỢP THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB THEO MỤC LỤC NSNN
NĂM 20....**

(Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Phần I- chi tiết theo nguồn, chương, loại, khoản, mục

Nguồn vốn	Chương	Loại	Khoản	Tiểu mục	Đơn vị: đồng					
					Mục					
1	2	3	4	5	Tổng cộng	9200	9250	9300	9350	9400
6	8	9	10	11	12					
A- Vốn thực hiện bằng hình thức rút dự toán										
Vốn trong nước										
Vốn ngoài nước										
B- Vốn thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền										
Vốn trong nước										
Vốn ngoài nước										

Phần II- Tổng hợp từng nguồn theo từng chương

Nguồn vốn	Chương	số vốn
1	2	3
A- Vốn thực hiện bằng hình thức rút dự toán		
Vốn trong nước		
Vốn ngoài nước		
B- Vốn thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền		
Vốn trong nước		
Vốn ngoài nước		

Ghi chú: 1- Bao gồm toàn bộ số vốn đã thanh toán (kể cả số vốn ghi thu, ghi chi, số vốn cấp bằng lệnh chi tiền);

2- Biểu này áp dụng cho KBNN và các cơ quan nhận lệnh chi tiền (Quốc phòng, công an...)

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày tháng năm 200
Giám đốc KBNN
(ký, ghi rõ họ tên)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TẠM ỨNG THEO CHẾ ĐỘ
CHƯA THU HỒI NGUỒN NGÂN SÁCH - NĂM 20...**

(Tổng hợp theo đơn vị)

(Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

1	2	Số tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ năm 2004 chuyển sang năm 20...	Số tạm ứng theo chế độ đã thanh toán KLHT	Còn lại 5=3-4
	A Đối với các cơ quan trung ương:			
	I Bộ....			
	Vốn trong nước			
	Vốn ngoài nước			
*	Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung			
-	Vốn chuẩn bị đầu tư			
	Vốn trong nước			
	Vốn ngoài nước			
-	Vốn thực hiện dự án			
	Vốn trong nước			
	Vốn ngoài nước			
*	Dự án, CTMT ...			
-	Dự án trồng mới 5 tr.ha rừng			
-			
*	Nguồn khác			
			
	B Đối với các địa phương:			
	I Sở...			
	Vốn trong nước			
	Vốn ngoài nước			
*	Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung			
-	Vốn chuẩn bị đầu tư			
	Vốn trong nước			
	Vốn ngoài nước			
-	Vốn thực hiện dự án			
	Vốn trong nước			
	Vốn ngoài nước			
*	Dự án, CTMT ...			
-	Dự án trồng mới 5 tr.ha rừng			
-			
-	CTMT...			
*	Nguồn khác			
			

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày tháng năm 200
Giám đốc KBNN

BÁO CÁO TỔNG HỢP THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

Niên độ ngân sách năm 20...

(Chi tiết theo đơn vị và dự án)

(Kèm theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: tr.đồng

Số TT	Chi tiêu	Mã tỉnh	Mã dự án	Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết năm trước (kể cả các DA đã HT từ các năm trước)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...		Thanh toán vốn theo niên độ 20...									Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang 20... còn lại	KH vốn đầu tư năm 20... còn lại	Kế hoạch vốn đầu tư được chuyển năm sau		
					Tổng số	Gồm		Tổng cộng	Trong đó		Vốn thuộc KH năm trước chuyển sang 20...			Vốn thuộc KH năm 20...						
						Vốn thuộc KH năm trước chuyển sang 20...	KH vốn đầu tư năm 20...		Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Tổng số	Thanh toán KLHT				Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10=13+16	11=14+17	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17	18=7-12	19=8-15	20	
	Tổng số:																			
A	Đối với các cơ quan trung ương:																			
I	Bộ Giao thông vận tải																			
*	Ngành...																			
	- Vốn chuẩn bị đầu tư																			
	Dự án...																			
	- Vốn thực hiện dự án																			
	Dự án...																			
2	Bộ Nông nghiệp PTNT																			
*	Ngành...																			
	- Vốn chuẩn bị đầu tư																			
	Dự án...																			
	- Vốn thực hiện dự án																			
	Dự án...																			
3	Bộ...																			
	Ngành...																			
B	Đối với các địa phương:																			
I	Trái phiếu Chính phủ																			
I	Sở...																			

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm 200
Giám đốc KBNN
(ký, ghi rõ họ tên)

**BÁO CÁO TỔNG HỢP THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XDCB - NGUỒN ỨNG TRƯỚC TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
NĂM 20....**

(Kèm theo Thông tư số 210 /TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Mã tỉnh	Mã dự án	KH vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước							
				Tổng số	Bao gồm:		Tổng số	Bao gồm:				Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi		
					KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...		KH vốn thu hồi năm 20...	Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...				
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+14	10	11=12+13	12	13	14	
	Tổng số													
A	Đối với các cơ quan trung ương:													
1	Bộ...													
*	Ngành...													
-	Vốn chuẩn bị đầu tư													
	Dự án...													
-	Vốn thực hiện dự án													
	Dự án...													
2	Bộ....													
													
B	Đối với các địa phương:													
1	Sở...													
*	Ngành...													
-	Vốn chuẩn bị đầu tư													
	Dự án....													
-	Vốn thực hiện dự án													
	Dự án...													

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày tháng năm 200
Giám đốc KBNN
(ký, ghi rõ họ tên)